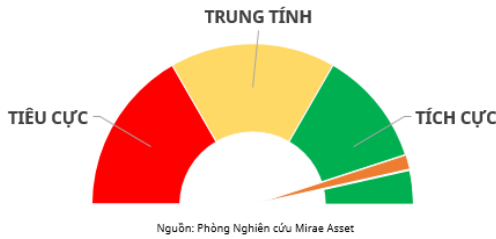


Thang đo sức mạnh thị trường



11 Tháng Hai 2022

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,501.71	1.54	0.63	34.69
HNX	426.89	2.44	-11.36	89.81
UPCOM	112.54	2.60	-1.75	52.47
MSCI EM	1,251.09	2.46	0.65	-12.38
NIKKEI	27,696.08	1.67	-1.87	-6.31
HANG SENG	24,827.29	1.03	4.58	-17.72
KOSPI	2,747.71	-0.09	-6.14	-11.38
FTSE	7,672.40	2.08	2.42	17.52
S&P 500	4,504.08	0.59	-4.43	15.01
NASDAQ	14,185.64	2.21	-6.39	1.14

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.10	2.62	15.54
SET INDEX	15.28	1.81	7.89
JCI INDEX	23.76	2.24	8.30
PCOMP INDEX	23.89	1.78	7.72

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.93	4	0	-10
10 năm	2.15	6	4	-8

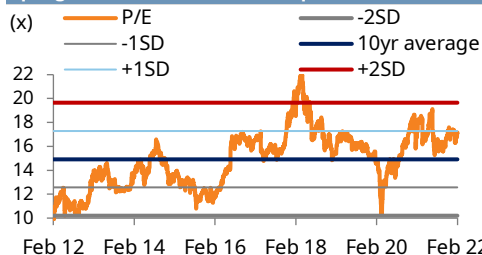
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,695	-0.14	0.05	1.33
US\$/KRW	1,199	-0.12	-0.30	-7.65
US\$/JPY	116	-0.54	-0.51	-9.61
US\$/EUR	0.88	0.57	-0.15	6.55
US\$/GBP	0.74	0.00	0.79	2.13
US\$/SGD	1.34	0.08	0.43	-1.47

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	873	1,003	921
HNX	73	103	131
UPCOM	64	63	70

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Khai xuân thuận lợi, VN-Index vượt 1.500 điểm

Trở lại sau kỳ nghỉ dài, VN-Index khởi đầu thuận lợi với phiên tăng 18,7 điểm (+1,26%) tạo đà cho những phiên tiếp theo của tuần. Chỉ số tiếp tục tăng 3 phiên sau đó, chinh phục ngưỡng 1.500, tuy sau đó VN-Index đã giảm 5,08 điểm nhưng tính chung cả tuần chỉ số đã tăng 22,75 điểm (+1,54%) so với tuần trước, chốt tuần tại 1.501,71.

Sắc xanh lan tỏa khá đều tại nhóm bluechip, trong đó HPG với mức tăng ấn tượng 11,7% đã giúp chỉ số tăng 5,7 điểm và dẫn đầu nhóm 10 mã ảnh hưởng lớn nhất đến chỉ số. Tiếp sau đó là các mã GVR, MSN, SAB, VJC, VCB, HVN, PLX, GAS và POW, danh sách này phân bổ cho nhiều ngành khác nhau, thể hiện sự hồi phục trên diện rộng của thị trường. Chiều giảm điểm, VIC gây bất ngờ khi giảm đến 15,8% trong tuần sau khi công bố kết quả kinh doanh 2021 kém tích cực, riêng VIC đã ảnh hưởng 15 điểm đến chỉ số.

Khối ngoại bán ròng hơn 1.000 tỷ đồng trên 2 sàn trong tuần, trong đó riêng VIC bị khối này bán ròng hơn 1.600 tỷ đồng, bỏ xa vị trí thứ 2 là HPG với giá trị bán ròng là 320 tỷ đồng. Chiều mua ròng dẫn đầu là FUEVFNVD của chứng chỉ quỹ VN-Diamond với giá trị mua ròng đạt 436 tỷ đồng.

Khai xuân với 4/5 phiên tăng giá là một khởi đầu tích cực cho thị trường chứng khoán Việt Nam, tuy nhiên VN-Index cũng đã hướng đến kháng cự tâm lý quan trọng là 1.500. Trong ngắn hạn ngưỡng 1.500 sẽ tạo tâm lý chốt lãi cản nhịp tăng của VN-Index, nếu duy trì thành công ngưỡng tâm lý này, chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ tiếp tục xu hướng tăng điểm ngắn hạn. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **+6 (KHẢ QUAN)**. Mức P/E của VN-Index đang ở mức 17,10 lần.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	6	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	7	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	6	KHẢ QUAN
Dow Jones	6	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần KBNN đã huy động thành công 4.100 tỷ đồng, tương đương 63,1% tổng lượng gọi thầu bao gồm đấu thầu lần đầu và đấu thầu bổ sung. Tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu cải thiện lên mức 2,1 lần từ mức 1,8 lần của tuần trước. Kết quả chi tiết như sau: (1) Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 2.000/ 3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,09% (+1 bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 1.500/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,39% (+2 bps); (3) Kỳ hạn 20 năm phát hành thành công 600/ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,75% (+0 bps). Trong khi đó kỳ hạn 7 năm đã thất bại toàn bộ 500 tỷ đồng dù có 1.350 tỷ đồng chào mua.
- Ngày 16/02 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 7.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; và (3) Kỳ hạn 30 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tuần từ 26/01 – 09/02, lãi suất liên ngân hàng đã tăng tại hầu hết các kỳ hạn trừ kỳ hạn 2 tuần, đáng chú ý khi 2 kỳ hạn O/N và 1 tuần tăng mạnh lên các mức 3,32% (+76 bps) và 3,39 (+119 bps). Trong khi đó các kỳ hạn 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng ghi nhận các mức tăng lần lượt +39 bps, +15 bps và +39 bps, lên các mức 3,32%, 3,22% và 4,27%. Chiều ngược lại kỳ hạn 2 tuần giảm 2 bps về 2,51%.
- Tỷ giá VND/USD của NHNN tại ngày 11/02 đã giảm 0,039% so với cuối tuần trước về mức 23.090 VND/USD. Tỷ giá NHTM cũng tăng ở chiều mua 0,134% và 0,132% ở chiều bán lên mức mức 22.500 – 22.810 VND/USD. Trên thị trường tự do giao dịch ở mức 23.500 – 23.550, giảm lần lượt 0,085% ở chiều mua và 0,191% ở chiều bán.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	6	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá trị	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (11/02/2022)	1.501,71	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	1.540
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.480
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 2	1.430

Xu hướng tăng điểm ngắn hạn được hình thành sau khi VN-Index chinh phục thành công ngưỡng 1.480. Ngưỡng 1.500 – 1.520 đang là kháng cự quan trọng với tính chất là ngưỡng tâm lý và biên trên của chỉ báo Bolinger band. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **+6 (KHẢ QUAN)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

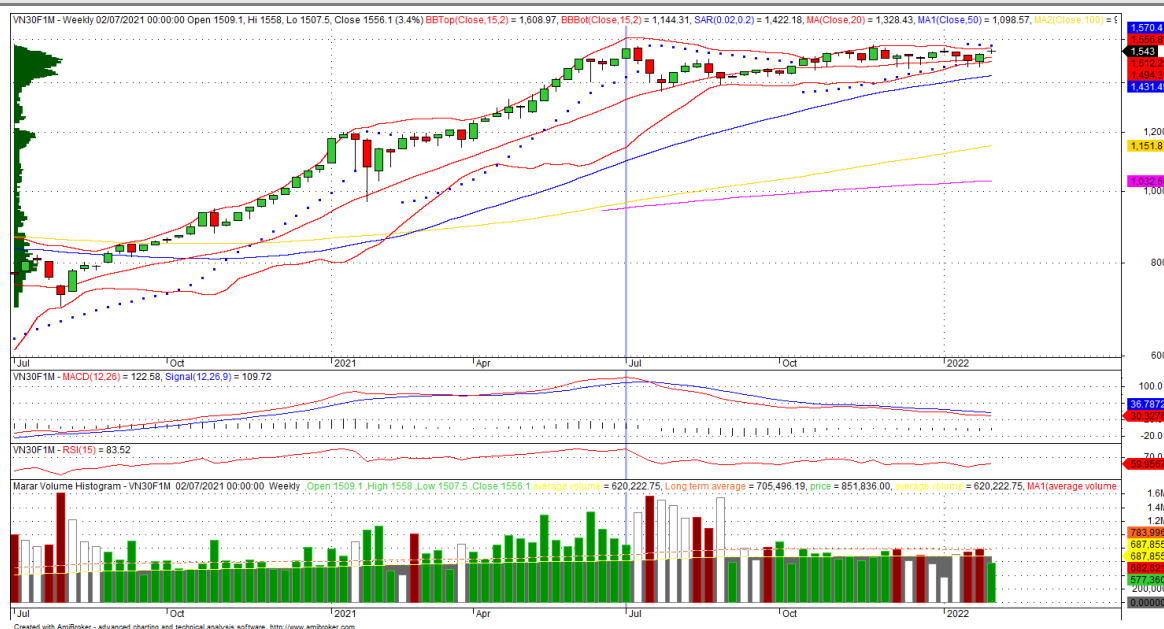
Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (11/02/2022)	1,543	Kháng cự 1	1.600
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHÀ QUAN	Kháng cự 2	1.550
VN30 – đóng cửa	1.545	Hỗ trợ 1	1.500
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-2,92	Hỗ trợ 2	1.480

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	5	KHÀ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	7	KHÀ QUAN

VN30F1M tiếp tục đi ngang ở vùng giá cao xu hướng vẫn chưa rõ ràng. Bên cạnh đó, tuần sau hợp đồng phái sinh VN30F2202 được đáo hạn vì thế có thể sẽ có biến động mạnh xảy ra. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên đứng ngoài quan sát và không nên mở vị thế mới trong giai đoạn này.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
FRT	Bán lẻ	99,000	1,112,950	84	7	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
KBC	57.8	9,556,780	7	KHẢ QUAN	32,932	36.3	2.4	552
TPB	42.85	8,927,455	7	KHẢ QUAN	67,778	13.0	2.6	383
LPB	25.9	12,344,900	7	KHẢ QUAN	31,173	10.6	1.9	320
ITA	16.45	14,308,890	7	KHẢ QUAN	15,435	52.9	1.4	235
HSG	37.1	5,885,145	7	KHẢ QUAN	18,308	4.3	1.6	218
VCI	61.1	3,038,500	7	KHẢ QUAN	20,346	13.5	3.1	186
NKG	39.2	4,262,575	7	KHẢ QUAN	8,600	3.6	1.5	167
DPM	46.45	3,552,850	7	KHẢ QUAN	18,177	5.9	1.7	165
DCM	30.45	4,090,905	7	KHẢ QUAN	16,120	9.2	2.1	125
FRT	99	1,112,950	7	KHẢ QUAN	7,819	17.6	4.7	110
SZC	79.8	1,275,835	7	KHẢ QUAN	7,980	26.5	5.4	102
BCG	23.65	2,893,890	7	KHẢ QUAN	10,555	9.4	2.0	68
PHR	84.4	704,470	7	KHẢ QUAN	11,436	21.1	3.8	59
HPG	47.15	19,305,184	6	KHẢ QUAN	210,898	6.1	2.3	910
VND	71.5	6,268,235	6	KHẢ QUAN	31,098	11.4	3.2	448
POW	18.3	21,685,896	6	KHẢ QUAN	42,856	24.1	1.4	397
DXG	35.1	9,658,010	6	KHẢ QUAN	20,920	18.1	2.4	339
BSR	27.2	12,226,029	6	KHẢ QUAN	84,334	#N/A N/A	2.7	333
PDR	90.1	3,601,285	6	KHẢ QUAN	44,399	24.0	6.3	324
ACB	35.7	7,823,120	6	KHẢ QUAN	96,460	10.0	2.1	279
MSN	149.8	835,330	6	KHẢ QUAN	176,844	20.6	5.4	125
FPT	91.6	1,242,745	6	KHẢ QUAN	83,132	21.0	4.6	114
PLX	59.4	1,844,285	6	KHẢ QUAN	75,473	25.4	3.0	110
KDH	52.8	1,759,890	6	KHẢ QUAN	33,947	28.8	3.3	93
FIT	13.6	6,114,400	6	KHẢ QUAN	3,573	21.5	1.1	83
GMD	48.35	1,445,800	6	KHẢ QUAN	14,572	26.2	2.3	70
VGC	54.5	995,620	6	KHẢ QUAN	24,435	19.9	3.4	54
PVT	22.85	2,225,295	6	KHẢ QUAN	7,395	11.1	1.4	51
SHS	42.2	5,586,780	5	KHẢ QUAN	13,726	9.1	2.3	236
IDC	69.5	2,375,232	5	KHẢ QUAN	20,850	38.3	5.1	165
VIX	28.35	4,272,245	5	KHẢ QUAN	7,785	8.6	2.6	121
KDC	55	1,977,460	5	KHẢ QUAN	13,839	23.5	2.1	109
AAA	17.9	6,065,900	5	KHẢ QUAN	5,843	17.8	1.2	109
GVR	33.95	2,111,250	5	KHẢ QUAN	135,800	31.9	2.8	72
HUT	23.5	2,179,687	5	KHẢ QUAN	8,193	149.9	2.1	51
TCB	53.7	10,721,760	4	KHẢ QUAN	188,536	10.4	2.0	576

SSI	45.1	11,676,500	4	KHẢ QUAN	44,323	16.3	3.1	527
VPB	36.6	12,973,785	4	KHẢ QUAN	162,704	13.7	2.1	475
SHB	23.6	12,409,475	4	KHẢ QUAN	62,938	11.9	1.8	293
NLG	53.2	5,336,725	4	KHẢ QUAN	20,372	16.7	2.3	284
PVS	29	8,502,191	4	KHẢ QUAN	13,861	23.0	1.2	247
HDB	31.2	5,418,665	4	KHẢ QUAN	62,781	10.3	2.1	169
VIB	47.7	2,472,765	4	KHẢ QUAN	74,085	11.7	3.0	118
MWG	135.3	853,385	4	KHẢ QUAN	96,446	19.5	4.7	115
HCM	38.5	2,784,995	4	KHẢ QUAN	17,603	13.7	2.4	107
VJC	132.8	766,115	4	KHẢ QUAN	71,926	58.5	4.3	102
SBT	22.85	4,401,710	4	KHẢ QUAN	14,376	20.8	1.7	101
DGC	146	686,730	4	KHẢ QUAN	24,978	11.1	4.1	100
HVN	26.2	3,721,505	4	KHẢ QUAN	58,017	#N/A N/A	24.2	98
PAN	30.95	2,964,460	4	KHẢ QUAN	6,465	21.9	1.6	92
VGT	25.6	3,310,723	4	KHẢ QUAN	12,800	44.9	2.1	85
DBC	74	1,089,325	4	KHẢ QUAN	8,528	10.3	1.8	81
PNJ	104.8	704,345	4	KHẢ QUAN	23,828	23.1	4.0	74
DGW	110	653,080	4	KHẢ QUAN	9,724	14.7	5.5	72
VHC	68.4	859,580	4	KHẢ QUAN	12,445	11.3	2.2	59
MBB	33.95	20,689,196	3	TRUNG TÍNH	128,274	10.1	2.2	702
CTG	36.8	14,269,565	2	TRUNG TÍNH	176,852	12.5	1.9	525
VCG	43.55	7,843,560	2	TRUNG TÍNH	19,236	38.3	3.1	342
VRE	34.6	8,660,860	2	TRUNG TÍNH	78,622	59.8	2.6	300
TCH	20.7	9,650,745	2	TRUNG TÍNH	13,832	19.7	1.6	200
LDG	16.25	11,418,900	2	TRUNG TÍNH	3,891	29.1	1.2	186
ROS	7.74	22,663,134	2	TRUNG TÍNH	4,393	46.3	0.7	175
HNG	9.51	16,012,775	2	TRUNG TÍNH	10,542	187.2	1.6	152
GAS	111	1,018,135	2	TRUNG TÍNH	212,448	25.3	4.2	113
IJC	28.95	3,415,805	2	TRUNG TÍNH	6,285	10.7	1.9	99
VHM	79.7	5,346,045	0	TRUNG TÍNH	347,043	8.8	2.7	426
FLC	12	33,832,936	0	TRUNG TÍNH	8,520	104.8	0.9	406
SCR	19.45	10,365,845	0	TRUNG TÍNH	7,126	38.1	1.5	202
VNM	82	2,010,825	0	TRUNG TÍNH	171,376	18.1	5.2	165
HQC	7.26	16,800,430	0	TRUNG TÍNH	3,460	821.6	0.8	122
KSB	41.45	2,544,205	0	TRUNG TÍNH	3,162	14.0	1.7	105
VPI	60.8	1,381,170	0	TRUNG TÍNH	13,376	37.6	4.2	84
TTF	13.15	6,153,160	0	TRUNG TÍNH	4,092	466.3	9.4	81
BCM	79.1	717,725	0	TRUNG TÍNH	81,869	69.4	5.2	57
DLG	6.99	7,893,465	0	TRUNG TÍNH	2,092	130.5	1.0	55
DPG	61.4	817,400	0	TRUNG TÍNH	3,868	10.7	2.8	50
STB	35.3	31,896,260	-2	TRUNG TÍNH	66,548	19.0	1.9	1,126
GEX	37.4	17,673,576	-2	TRUNG TÍNH	31,846	26.2	2.6	661
DIG	69	6,884,770	-2	TRUNG TÍNH	34,492	34.2	4.7	475
HAG	12.4	27,586,204	-2	TRUNG TÍNH	11,500	62.4	2.5	342
HBC	26.1	9,520,960	-2	TRUNG TÍNH	6,412	64.3	1.7	248
HHV	24.35	8,707,685	-2	TRUNG TÍNH	6,511	#N/A N/A	1.0	212
BID	47.9	4,357,760	-2	TRUNG TÍNH	242,303	22.9	2.9	209
LCG	19.1	7,504,690	-2	TRUNG TÍNH	3,293	15.2	1.4	143

FCN	22.9	5,757,465	-2	TRUNG TÍNH	3,605	27.2	1.3	132
NBB	29.8	2,855,395	-2	TRUNG TÍNH	2,985	9.3	1.5	85
VHG	8.9	9,354,163	-2	TRUNG TÍNH	1,335	#N/A N/A	7.0	83
PVX	7.3	11,163,830	-2	TRUNG TÍNH	2,920	#N/A N/A	14.0	81
TSC	17.3	4,321,945	-2	TRUNG TÍNH	2,554	22.2	1.5	75
OIL	18.4	3,459,277	-2	TRUNG TÍNH	19,030	#N/A N/A	2.0	64
HDC	78.5	656,815	-2	TRUNG TÍNH	6,788	21.4	4.6	52
KLF	6	8,489,129	-2	TRUNG TÍNH	992	151.0	0.6	51
CEO	55.5	7,092,553	-4	TIÊU CỰC	14,282	153.3	4.8	394
NVL	78.1	2,448,630	-4	TIÊU CỰC	150,766	40.8	4.3	191
VCB	90	1,860,765	-4	TIÊU CỰC	425,926	18.0	3.8	167
CTD	95	806,170	-4	TIÊU CỰC	7,017	306.0	0.9	77
L14	345.1	171,930	-4	TIÊU CỰC	9,261	43.1	17.0	59
VIC	81.7	4,013,965	-5	TIÊU CỰC	311,599	#N/A N/A	2.7	328
CII	26.85	10,049,195	-5	TIÊU CỰC	6,416	#N/A N/A	1.3	270
PVD	30.85	9,386,045	-6	TIÊU CỰC	12,992	834.5	1.0	290

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Đến lượt Goldman Sachs dự báo Fed tăng lãi suất 7 lần năm nay

Các kinh tế gia của Goldman Sachs do Jan Hatzius dẫn đầu hiện cho rằng Fed sẽ tăng lãi suất 0,25 điểm cơ bản tại 7 cuộc họp liên tiếp của Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC) năm nay tăng so với nhận định 5 lần trước đó.

Sự thay đổi quan điểm này diễn ra trong bối cảnh Mỹ công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1 tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước, nhiều nhất kể từ năm 1982. Xu hướng tăng giá diễn ra ở mọi mặt hàng, từ thực phẩm, năng lượng cho đến đồ gia dụng, bảo hiểm sức khỏe.

Theo các nhà phân tích tại Goldman Sachs, trong khi có kịch bản Fed tăng lãi suất 50 điểm cơ bản trong tháng 3 do lạm phát rất cao, tăng trưởng lương “nóng” và kỳ vọng lạm phát ngắn hạn cao. Các nhà lập chính sách lúc này vẫn ám chỉ có thể hành động mạnh tay hơn.

“Hầu hết quan chức Fed phản đối việc tăng 50 điểm cơ bản trong tháng 3. Do đó, chúng tôi nghĩ khả năng cao họ sẽ chọn lộ trình tăng 25 điểm cơ bản nhiều lần hơn”.

Chủ tịch Fed St. Louis James Bullard thậm chí còn ủng hộ tăng lãi suất lên 1 điểm phần trăm trước tháng 7 – trong đó có 1 lần tăng 0,5 điểm phần trăm lần đầu tiên kể từ năm 2000 – để ứng phó lạm phát.

Ông Biden giục người Mỹ nhanh chóng rời Ukraine

"Các công dân Mỹ nên rời đi ngay bây giờ", CNN dẫn lời ông Biden.

Đề cập đến Nga, quốc gia đang tập trung quân đội gần biên giới Ukraine, ông Biden nói: "Chúng ta đang đối phó với một trong những quân đội lớn nhất trên thế giới".

"Đó là một tình huống rất khác, và mọi thứ có thể nhanh chóng trở nên mất kiểm soát", ông cho biết thêm.

Dẫu vậy, Tổng thống Biden nói không tình huống nào có thể khiến ông cử quân đội Mỹ trực tiếp đến Ukraine đón công dân muốn rời đi. "Đó sẽ là một cuộc chiến tranh thế giới nếu lính Mỹ và Nga bắt đầu bắn nhau", ông cho biết thêm.

Theo ông Biden, Tổng thống Nga Vladimir Putin đủ sáng suốt để không làm bất cứ điều gì có thể ảnh hưởng tiêu cực đến công dân Mỹ.

VEIL - Dragon Capital bán ròng khoảng 1.250 tỷ đồng ngay trước Tết Nhâm Dần

Quý thành viên Vietnam Enterprise Investment Limited (VEIL) của Dragon Capital vừa công bố báo cáo tuần với một số biến động đáng chú ý.

Trong tháng đầu tiên của năm 2022, danh mục đầu tư của quỹ thành viên Vietnam Enterprise Investment Limited (VEIL) của Dragon Capital có một số biến động đáng chú ý. Tại ngày 27/1, quy mô quỹ đạt gần 2.587,5 tỷ USD, trong đó tỷ trọng tiền mặt là 2,77%, tương đương khoảng 71 triệu USD.

Trong khi đó, vào thời điểm 31/12/2021, VEIL chỉ nắm giữ hơn 16 triệu USD tiền mặt, ứng với tỷ lệ 0,63%. Như vậy, quỹ đã bán ròng khoảng 55 triệu USD (khoảng 1.250 tỷ đồng) ngay trước khi bước vào kỳ nghỉ Tết Nhâm Dần.

Chính phủ quyết định chỉ định thầu 12 dự án cao tốc Bắc Nam

Chính phủ quyết định áp dụng chỉ định thầu với các gói thầu tư vấn, xây lắp thuộc 12 dự án cao tốc Bắc Nam, giai đoạn 2021-2025.

Ngày 11/2, theo nghị quyết của Chính phủ, Bộ trưởng Giao thông Vận tải và người có thẩm quyền được áp dụng hình thức chỉ định thầu trong hai năm 2022 và 2023 đối với các gói thầu tư vấn; phục vụ di dời hạ tầng kỹ thuật; đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Thủ tướng quyết định chỉ định thầu đối với gói thầu xây lắp các dự án thành phần, kèm theo yêu cầu tiết kiệm tối thiểu 5% giá trị dự toán gói thầu (không bao gồm chi phí dự phòng). Thủ tướng cũng quyết định chỉ định thầu với các gói thầu quan trọng khác nếu thấy cần thiết về tư vấn liên quan đến dự án, phục vụ di dời hạ tầng kỹ thuật, đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư. Việc này được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Bộ trưởng Giao thông Vận tải và kết quả thẩm định của Bộ Kế hoạch Đầu tư.

Chính phủ cho phép triển khai đồng thời một số công việc liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xác định các bãi đổ chất thải rắn xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt 12 dự án thành phần, hoàn thành trước 30/6; đảm bảo khởi công trước 31/12; triển khai thi công đồng loạt trước 31/3/2023.

Các địa phương bàn giao 70% diện tích mặt bằng của các gói thầu xây lắp trước 20/11; bàn giao toàn bộ diện tích còn lại trong quý 2/2023.

Trước đó, ngày 11/1, Quốc hội đã thông qua chủ trương đầu tư dự án cao tốc Bắc Nam giai đoạn 2021-2025, tổng mức đầu tư 146.990 tỉ đồng.

Dự án dài 729 km được chia thành 12 dự án thành phần trên các đoạn Bãi Vọt (Hà Tĩnh) - Cam Lộ (Quảng Trị), Quảng Ngãi - Nha Trang và Cần Thơ - Cà Mau; tiến độ cơ bản hoàn thành năm 2025 và đưa vào khai thác, vận hành từ năm 2026.

Nhiều doanh nghiệp TP HCM có đơn hàng đến tháng 7

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội TP HCM vừa thông tin lần đầu tiên trong mấy năm trở lại đây, lao động ngoại tỉnh trở lại thành phố làm việc đạt tỷ lệ rất cao, tới hơn 96%, bổ sung kịp thời nhân lực cho các doanh nghiệp.

Cụ thể, tính đến sáng 10/2, đã có hơn 1,9 triệu lao động ngoại tỉnh quay lại TP HCM làm việc. Trong đó hơn 262.000/273.000 lao động làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất của thành phố; 49.700/51.100 lao động làm việc trong các doanh nghiệp tại khu công nghệ cao. Số lao động làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngoài 2 khu vực nêu trên là hơn 1,6 triệu người.

Phó Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội TP HCM Nguyễn Văn Lâm cho biết: "Sau nhiều năm, thành phố mới có tỷ lệ lao động quay lại làm việc ngay sau kỳ nghỉ Tết cao như vậy. Dự kiến, sau ngày 13/2, số lao động còn lại sẽ đi làm. Hiện nhiều doanh nghiệp của thành phố đã có đơn hàng đến hết tháng 7 và có đủ nhân lực để thực hiện hợp đồng".

16 ngân hàng giảm hơn 21.000 tỷ đồng lãi vay cho khách hàng

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cập nhật việc giảm lãi vay của các NHTM. Tổng số tiền lãi giảm lũy kế từ 15/7/2021 đến 31/12/2021 của 16 ngân hàng là khoảng 21.244 tỷ đồng, đạt 105,13% so với cam kết.

Về tổng thể 16 ngân hàng đã tích cực thực hiện giảm lãi suất theo chỉ đạo của NHNN, vượt tổng số tiền cam kết đề ra.

Sản lượng bán hàng Hòa Phát giảm gần 6% trong tháng 1, bắt đầu xuất khẩu HRC

Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) công bố sản lượng sản xuất thép thô tháng 1 đạt 707.000 tấn, tăng 5% so với cùng kỳ. Sản lượng bán hàng đạt 631.000 tấn, gồm thép xây dựng, phôi thép, thép cuộn cán nóng; giảm gần 6% so với cùng kỳ và giảm 21% so với tháng cuối năm 2021.

Trong đó, thép xây dựng chiếm 382.000 tấn, gấp 2 lần cùng kỳ năm trước và tăng 8,2% so với tháng 12/2021. Doanh nghiệp lý giải trong tháng đầu năm, sản lượng thép xây dựng tăng mạnh tại thị trường nội địa do nhu cầu xây dựng dân dụng và các dự án trước Tết Nhâm Dần tăng. Khu vực miền Nam, miền Trung có sự tăng trưởng mạnh nhất, lần lượt gấp 2 và 3 lần so với cùng kỳ.

Đồng thời, doanh nghiệp cho biết sản phẩm thép xây dựng tiếp tục nhận được đơn đặt hàng lớn trên thị trường quốc tế. Sản lượng xuất khẩu thép xây dựng trong tháng 1 đạt 116.000 tấn, gấp 3 lần cùng kỳ 2021. Thị trường xuất khẩu chính gồm Singapore, Hồng Kông, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Campuchia.

Theo ông Kiều Chí Công – Giám đốc Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên, nhu cầu thép các tháng tới trên thị trường trong nước và xuất khẩu vẫn cao. Công ty đã nhận tối đa đơn hàng xuất khẩu cho các nhà máy tại Hải Dương và Quảng Ngãi cho đến tháng 4. Với số đơn hàng này, các nhà máy phải luôn hoạt động hết công suất để phục vụ nhu cầu thị trường. Việc khai thác thị trường xuất khẩu nhằm đa dạng hóa thị trường tiêu thụ.

Phú Tài ghi nhận hơn 500 tỷ đồng doanh thu bất động sản năm 2021

Phú Tài (HoSE: PTB) công bố BCTC hợp nhất quý IV/2021 với doanh thu 1.760 tỷ đồng, tăng 11%. Giá vốn tăng thấp hơn nên lợi nhuận gộp tăng 18% lên 375 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp tăng từ 20% lên 21,3%.

Tuy nhiên, chi phí tài chính tăng cao từ 20 tỷ lên 40 tỷ đồng, chi phí bán hàng cũng tăng 19% lên 143 tỷ đồng. Hoạt động khác giảm lãi từ 16 tỷ về 5 tỷ đồng. Do vậy, lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp gộp, đã chỉ còn tăng 6,2% đạt 125 tỷ đồng.

Lũy kế cả năm, Phú Tài báo doanh thu tăng 16% lên 6.490 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế 526 tỷ đồng, tăng 39%; phần lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ tăng 43% lên 512 tỷ đồng. Đơn vị không hoàn thành mục tiêu doanh thu 7.000 tỷ đồng nhưng cơ bản hoàn thành mục tiêu lợi nhuận sau thuế 524,5 tỷ đồng.

Bảo hiểm Pjico (PGI) báo lãi trước thuế 437 tỷ đồng cả năm, vượt 116% kế hoạch

Tổng Công ty Bảo hiểm Petrolimex (Bảo hiểm Pjico - mã chứng khoán PGI) công bố báo cáo tài chính quý 4/2021 với doanh thu và lợi nhuận đều tăng so với cùng kỳ.

Cụ thể, tính riêng quý 4 doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 849 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ. Doanh thu từ hoạt động tài chính đạt gần 13 tỷ đồng, giảm 6 tỷ đồng so với cùng kỳ. Trừ các chi phí, quý 4 Bảo hiểm Pjico lãi trước thuế 114 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 134% lên 91,5 tỷ đồng.

Lũy kế cả năm 2021 doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 3.037 tỷ đồng, tăng 4% so với năm trước đó. Nhờ tiết giảm chi phí vốn, nên lợi nhuận trước thuế đạt 437 tỷ đồng, vượt 116% chỉ tiêu lợi nhuận được giao cho cả năm. Lợi nhuận sau thuế gấp đôi lên 352 tỷ đồng.

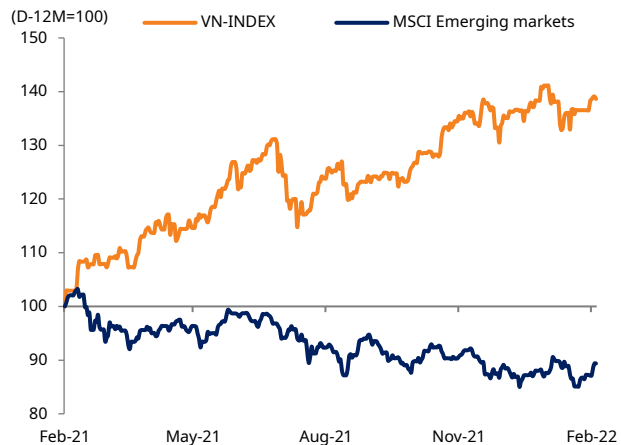
PV Power đặt kế hoạch lãi năm 2022 thấp kỷ lục, chưa bằng một nửa năm trước do lo ngại ngành điện gặp khó

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power - Mã: POW) vừa tổ chức buổi làm việc về tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Cụ thể, PV Power đặt kế hoạch tổng doanh thu 24.242 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.012 tỷ đồng, lần lượt giảm 3,4% và giảm 57% so với năm 2021. Tổng sản lượng điện dự kiến 13,9 tỷ kWh, giảm khoảng 5%. Kế hoạch lợi nhuận này đồng thời là kế hoạch thấp nhất của công ty kể từ khi cổ phần hóa (năm 2018).

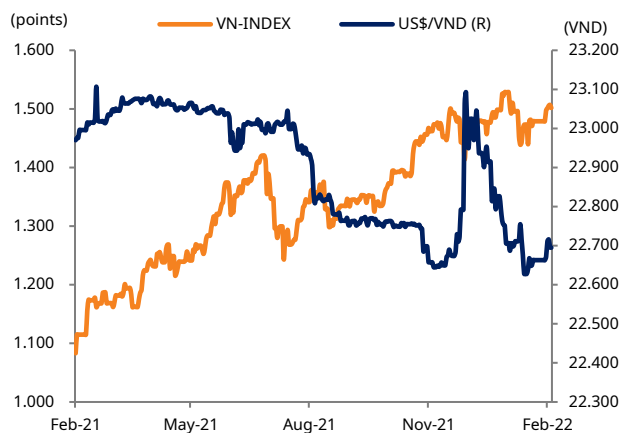
Lãnh đạo PV Power nhận định năm 2022 dự kiến sẽ tiếp tục là một năm khó khăn thách thức đối với doanh nghiệp điện nói chung và PV Power nói riêng. Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2022 của công ty là quản lý vận hành sản xuất các nhà máy điện đảm bảo thiết bị khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



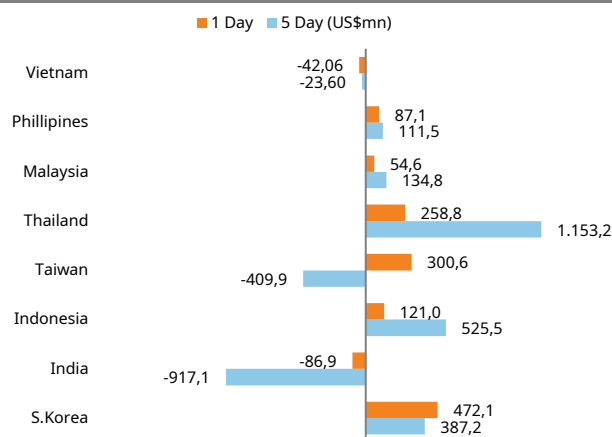
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



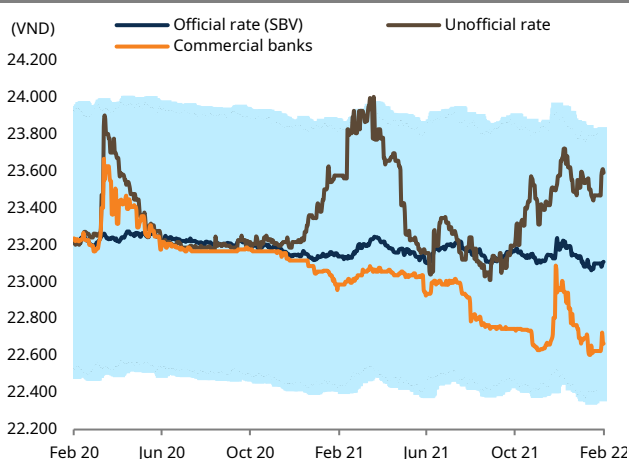
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



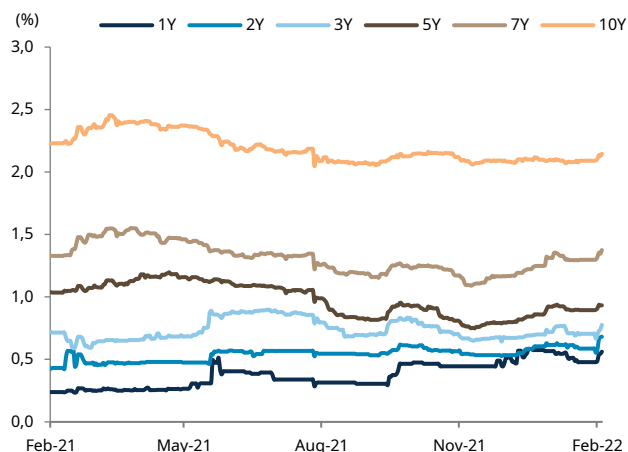
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



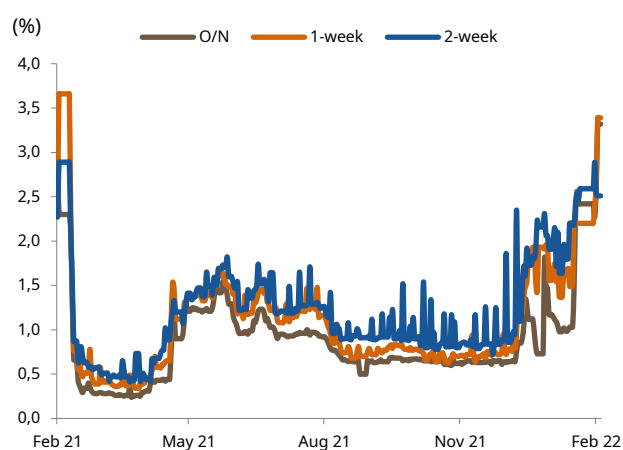
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,545.92	4,094,341		-0.2	0.9	3.1	36.9	14.9	12.5	2.7	2.2	35.0	19.1	23.0	20.3
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	35,700	96,460	30.0	0.4	3.3	9.0	56.3	10.0	7.8	2.1	1.7	26.5	29.3	23.9	24.2
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	47,900	242,303	16.8	-1.0	-0.1	21.6	47.7	22.9	19.7	2.9	2.5	81.7	16.5	13.2	16.0
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	55,100	40,902	26.4	-0.5	1.3	2.4	-8.0	21.7	18.6	1.9	1.8	20.9	16.7	9.1	10.1
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	36,800	176,852	26.0	0.1	-0.3	11.5	34.2	12.5	9.7	1.9	1.6	2.9	29.9	15.9	18.9
CTCP FPT	FPT VN	91,600	83,132	49.0	-0.4	2.3	2.3	41.2	21.1	16.1	4.6	3.8	21.4	31.1	23.4	25.6
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	111,000	212,448	2.9	-0.9	1.8	7.5	36.5	25.5	18.0	4.2	3.9	8.1	41.5	17.4	22.3
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	33,950	135,800	0.5	1.0	8.8	-7.7	41.2	31.9	26.9	2.8	#N/A	12.8	18.6	8.9	9.9
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	31,200	62,781	17.4	-1.0	1.0	6.5	61.8	10.3	9.4	2.1	1.7	42.5	9.0	23.3	20.4
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	47,150	210,898	23.5	0.3	11.7	4.5	52.3	6.1	6.6	2.3	1.6	170.6	-7.9	46.1	29.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	52,800	33,947	32.8	0.0	5.6	-0.4	82.1	29.5	22.4	3.3	3.2	-4.4	31.3	12.2	15.6
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	33,950	128,274	23.2	0.6	0.7	21.7	85.2	10.1	8.8	2.2	1.7	53.0	14.4	23.6	22.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	149,800	176,844	28.7	0.1	4.8	3.4	68.9	20.6	28.7	5.4	5.9	589.7	-28.2	35.1	20.7
CTCP Thế giới di động	MWG VN	135,300	96,446	49.0	-0.7	2.1	2.7	56.7	21.8	15.6	4.7	3.9	7.7	39.6	27.3	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	78,100	150,766	7.2	-0.5	-2.3	-7.6	75.7	42.9	35.7	4.3	4.4	-18.5	20.1	10.6	13.9
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	90,100	44,399	2.8	0.1	-0.8	-2.7	76.3	23.5	#N/A	6.3	#N/A	60.9	#N/A	30.7	#N/A
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	59,400	75,473	17.2	-1.8	5.9	9.8	12.1	26.2	19.0	3.0	3.0	230.7	38.0	12.3	16.3
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	104,800	23,828	47.7	1.5	0.8	11.4	25.4	23.1	17.2	4.0	3.6	5.5	34.3	18.3	22.9
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	18,300	42,856	2.7	-1.3	8.9	-1.9	48.2	24.1	20.7	1.4	1.3	-23.9	16.6	6.1	6.5
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	159,600	102,348	62.5	1.7	7.3	4.4	-11.4	28.6	24.9	4.8	4.0	-21.7	14.7	17.9	19.0
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	45,100	44,323	39.3	0.0	0.1	-6.2	115.0	16.2	21.5	3.1	#N/A	114.9	-24.7	22.5	13.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	35,300	66,548	18.5	1.6	-0.7	8.8	94.5	19.0	16.0	1.9	1.8	48.8	18.9	10.8	11.9
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	53,700	188,536	22.5	0.2	1.7	10.8	49.2	10.4	9.2	2.0	1.7	46.3	14.0	21.7	20.4
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	42,850	67,778	29.6	4.0	2.1	6.6	115.4	13.0	10.6	2.6	2.1	30.7	23.0	22.6	21.1
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	90,000	425,926	23.6	-1.4	1.1	13.4	18.1	15.2	17.2	3.8	3.1	68.6	-11.3	21.4	20.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	79,700	347,043	23.9	-0.5	-0.7	-4.7	7.0	8.8	9.7	2.7	2.2	41.6	-9.2	36.4	26.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	81,700	311,599	13.4	-2.7	-15.8	-19.1	-13.5	NA	59.0	2.7	3.2	-154.2	-269.8	-3.1	5.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	132,800	71,926	16.5	-0.2	8.9	7.3	2.9	447.1	38.8	#N/A	#N/A	126.7	1,051.9	1.0	10.1
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	82,000	171,376	54.5	-0.8	-1.3	-2.0	-24.1	18.2	16.2	5.2	4.9	-5.3	12.4	29.3	33.0
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	36,600	162,704	15.2	-0.3	-0.1	6.7	71.1	13.7	10.9	2.1	1.7	12.4	26.0	18.0	16.0
CTCP Vincom Retail	VRE VN	34,600	78,622	30.1	-3.9	-1.0	1.2	9.7	59.8	27.3	2.6	2.4	-44.8	118.9	4.4	9.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	22.75	5,941,813	-0.3	1.5	0.6	34.7	17.5	14.2	2.7	2.4	34.0	23.2	19.9	19.4
Ô tô và phụ tùng	0.14	9,285	0.1	6.3	-2.3	30.4	6.1	5.6	1.1	1.0	29.5	9.6	10.9	11.6
Ngân hàng	3.84	1,975,121	-0.1	0.8	12.1	52.1	13.7	10.0	2.1	1.7	12.0	29.6	18.7	19.4
Xây dựng cơ bản	2.85	308,625	-0.4	4.2	-14.6	105.0	169.1	83.2	12.8	11.7	99.9	11.8	9.6	9.4
May mặc và trang sức	0.24	50,890	0.9	2.0	4.2	50.9	12.8	9.7	2.2	1.7	33.6	25.9	16.8	17.0
Dịch vụ tiêu dùng	0.13	9,392	-0.5	5.6	3.8	13.5	0.5	22.4	0.1	#N/A	200.2	-126.8	-9.1	2.7
Dịch vụ tài chính	2.07	168,248	0.9	5.2	-4.8	161.3	5.7	5.4	#N/A	#N/A	-24.7	6.3	12.7	3.9
Năng lượng	1.33	100,311	-1.4	5.5	7.8	19.9	18.9	15.6	2.5	2.3	343.4	23.5	14.0	15.1
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	4.66	583,622	0.0	3.4	0.0	21.5	19.4	15.1	4.1	3.5	0.0	22.8	20.7	21.5
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.04	3,496	-0.9	5.1	-16.6	81.2	8.0	#N/A	#N/A	#N/A	2.8	#N/A	9.0	#N/A
Bảo hiểm	0.26	54,646	-0.4	1.9	2.0	9.9	15.4	12.1	1.5	1.3	18.2	27.4	8.4	9.9
Nguyên vật liệu	13.01	532,431	0.9	10.7	0.3	68.1	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A
Dược phẩm	0.03	32,129	-2.1	0.4	-0.8	17.3	11.6	6.8	1.7	1.2	17.9	6.7	13.2	7.8
Bất động sản	-13.72	1,266,823	-1.2	-3.4	-8.1	28.6	25.1	14.6	2.3	1.9	-37.5	43.7	14.3	14.0
Bán lẻ	0.75	112,682	-0.5	2.8	4.6	71.4	15.1	12.7	3.8	3.3	34.3	16.3	25.4	25.8
Phần mềm và dịch vụ	0.65	90,350	-0.5	2.9	2.7	45.0	15.2	13.1	3.5	3.3	31.4	13.1	23.7	25.4
Thiết bị và phần cứng	0.11	9,724	1.9	4.8	-8.4	159.1	14.0	11.9	4.5	3.4	5.6	17.5	22.1	24.3
Vận tải	3.46	208,456	-0.4	7.0	4.8	31.6	59.9	22.4	0.5	0.5	57.7	442.8	-192.3	69.3
Tiện ích	2.49	372,748	-0.5	2.7	4.1	32.2	13.7	11.9	2.5	2.3	38.5	15.7	14.3	15.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
HPG VN	47,150	11.7	24,875,420	5.7
GVR VN	33,950	8.8	1,230,680	2.8
MSN VN	149,800	4.8	724,080	2.1
SAB VN	159,600	7.3	141,400	1.8
VJC VN	132,800	8.9	996,960	1.5
VCB VN	90,000	1.1	1,467,140	1.2
HVN VN	26,200	7.8	8,086,080	1.1
PLX VN	59,400	5.9	2,939,460	1.1
GAS VN	111,000	1.8	947,160	1.0
POW VN	18,300	8.9	19,632,540	0.9

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	81,700	-15.8	8,634,320	-15.0
NVL VN	78,100	-2.3	2,347,420	-0.9
VHM VN	79,700	-0.7	4,405,980	-0.7
DIG VN	69,000	-6.3	6,237,440	-0.6
VNM VN	82,000	-1.3	1,813,900	-0.6
EIB VN	35,800	-4.4	1,113,020	-0.5
SSB VN	38,250	-2.7	1,907,820	-0.4
VRE VN	34,600	-1.0	8,358,740	-0.2
CTG VN	36,800	-0.3	10,515,780	-0.1
STB VN	35,300	-0.7	24,563,100	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.